

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1246/2024/TLHNGĐ – ST ngày 14/10/2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, thỏa thuận về tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1991

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

- Ông Nguyễn Đỗ Thanh V, sinh năm 1989

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hồng N và ông Nguyễn Đỗ Thanh V là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140, do Ủy ban nhân dân phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/10/2016.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 23/9/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/10/2024, bà Phạm Thị Hồng N và ông Nguyễn Đỗ Thanh V yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Cả hai chung sống có hai con chung tên Nguyễn Phạm Minh K, sinh ngày 15/4/2017 và Nguyễn Phạm Lan N, sinh ngày 13/10/2022. Yêu cầu tòa án công nhận bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi trưởng thành. Ông V cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Hai bên tự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con, bắt đầu thực hiện từ tháng 11/2024. Cả hai chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Phạm Thị Hồng N và ông Nguyễn Đỗ Thanh V thật sự tự nguyện ly hôn, thống nhất cách giải quyết về con chung, về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng N và ông Nguyễn Đỗ Thanh V thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 140, do Ủy ban nhân dân phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/10/2016 không còn hiệu lực.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Hồng N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Phạm Minh K, sinh ngày 15/4/2017 và Nguyễn Phạm Lan N, sinh ngày 13/10/2022 cho đến khi trưởng thành.

Ông Nguyễn Đỗ Thanh V cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Hai bên tự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con, bắt đầu thực hiện từ tháng 11/2024.

Trường hợp ông Nguyễn Đỗ Thanh V không tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà Phạm Thị Hồng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thực hiện.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Đỗ Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Cán trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà Phạm Thị Hồng N và ông Nguyễn Đỗ Thanh V đã nộp theo biên lai thu số 0014643 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

2. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- CCTHADS QGV;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tứ Nhị

